TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KS** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2022/QĐST-HNGĐ	*KS, ngày 18 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Minh N** - sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn TL, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Anh **Phan Văn T** - sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn TL, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

2. ***Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

2.1 Chị Huỳnh Thị Minh N được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 (bao gồm cả nhà vệ sinh), diện tích 40 m^2; cấu trúc: Tường xây gạch 10cm, nền lát gạch men, cửa sắt, đòn tay gỗ, mái lợp tôn; giá trị căn nhà là: 78.105.000đ; được xây dựng trên thửa đất số 63, tờ bản đồ số 31, diện tích 149,5 m^2, địa chỉ: Thôn TL, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 015062, số vào sổ cấp: GCN: CH 000168, ngày 30/01/2015 cấp cho bà Huỳnh Thị Minh N.

Chị Huỳnh Thị Minh N có nghĩa vụ trả ½ giá trị tài sản cho anh Phan Văn T là 39.052.500đ (*Ba mươi chín triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng);* Thời hạn thanh toán ngày 19/8/2022.

2.2. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Minh N và anh Phan Văn T thỏa thuận:

Chị Huỳnh Thị Minh N nộp 976.312 đồng (*Chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm mười hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.045.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0008155 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự

huyện S, tỉnh Khánh Hòa. Chị Huỳnh Thị Minh N được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.068.688đ *(Một triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng*).

Anh Phan Văn T nộp 976.312 đồng (*Chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm mười hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định của pháp luật.

2.3. Về chi phí tố tụng: Chị Huỳnh Thị Minh N tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ là 600.000đ. Chị Huỳnh Thị Minh N đã nộp đủ.

3. ***Quy định***: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật mà chị Huỳnh Thị Minh N chưa thi hành xong khoản tiền phải thanh toán cho anh Phan Văn T, hàng tháng chị Huỳnh Thị Minh N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND huyện KS;*
- *Chi cục THADS huyện KS;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

Trường Văn Vương